TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 288/2025/HC-PT
Ngày: 30/5/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**
Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
ông **Đinh Phước Hoà**

***- Thư ký phiên tòa**:* ông **Nguyễn Văn Nam**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số **163**/2025/TLPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 25/2/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1282/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: Số F H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường S – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số B T, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hoàng Kim H – Phó trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Q.

Theo đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m^2, loại đất trồng cây hàng năm là của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V khai hoang năm 2002, thửa đất này giáp với thửa đất ở của gia đình ông B, bà V. Ngoài thửa đất số 748 ông B và bà V không còn thửa đất nông nghiệp nào khác. Ngày 20/3/2004 bà V làm đơn xin xác nhận khai hoang thửa đất phía sau nhà diện tích 497,6m^2 (nay là thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m^2) và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q (nay là thị trấn H) xác nhận "bà Nguyễn Thị V thôn T có diện tích đất vườn ở, đất khai hoang đã đăng ký quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên là đúng".

Năm 2022, ông B, bà V lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m^2, loại đất trồng cây hàng năm. Ngày 13/12/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 584/TB-ĐKĐĐ về việc lập hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông B, theo đó việc lập hồ sơ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của ông B tại thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m^2 là không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất do thuộc quỹ đất công ích của UBND thị trấn H

Ngày 27/12/2022, ông Nguyễn Văn B có đơn kiến nghị gửi UBND huyện Q liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07. Ngày 03/3/2023, UBND huyện Q có Công văn số 241/UBND-NC

về việc giải quyết, trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn B, theo đó thửa đất ông Nguyễn Văn B đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất công ích, do UBND thị trấn H đăng ký, quản lý; thửa đất này được kê khai, đăng ký trong Sổ Địa chính tại trang số 45, quyển số 14 là thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất: đất trồng màu (ĐRM), nay là đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thửa đất này thuộc trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không thống nhất với nội dung trả lời tại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q, ông Nguyễn Văn B có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện Q giải quyết lần đầu tại Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 15/5/2023, không chấp nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn B.

Không đồng ý với Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B (lần đầu). Ngày 31/5/2023, ông B có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Q, đến ngày 11/8/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B (lần hai) không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B.

Do đó, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Theo Văn bản số 9151/UBND-NCKS ngày 25/11/2024, Chủ tịch** UBND tỉnh Q **có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông** Nguyễn Văn B **như sau:

1. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1693/QĐ- UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn B:

Chủ tịch UBND tỉnh nhận được Đơn khiếu nại lần 2 ghi ngày 31/5/2023 của ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q khiếu nại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q về việc giải quyết, trả lời Đơn kiến nghị của công dân và yêu cầu UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B và bà V đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích đất 459,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác (theo số liệu đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 06/6/2023, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 1152/QĐ-UBND giao Sở T thẩm tra, xác minh, tổ chức đối thoại với công dân. Sở T đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, báo cáo kết quả xác minh nội

dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả đối thoại với người khiếu nại. Ngày 11/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh đối đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B đảm bảo theo quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

2. Về nội dung Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn B:

Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B với nội dung không chấp nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Văn B khiếu nại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q về giải quyết, trả lời đơn kiến nghị của công dân và yêu cầu UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m², loại đất bằng trồng cây hàng năm khác là đảm bảo quy định pháp luật, bởi vì:

a) Hồ sơ địa chính đối với thửa đất khiếu nại:

- Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị số 299/TTg: Trên địa bàn thị trấn H không có Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị số 299/TTg.

- Hồ sơ kê khai theo Nghị định số 64/CP năm 1993 gồm: Bản đồ, Sổ mục kê đất, Sổ Địa chính được UBND xã Q ký xác nhận ngày 01/8/1997, Sở Địa chính duyệt ngày 22/8/1997. Tại Sổ mục kê đất (trang số 98, quyển số 02), diện tích đất khiếu nại thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất màu (ĐM) do UBND xã Q đứng tên chủ sử dụng đất. Tại Sổ Địa chính (trang số 45, quyển số 14), diện tích đất khiếu nại thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất trồng màu (ĐRM), tên chủ sử dụng đất: Đất công ích. Như vậy, qua đối chiếu hồ sơ địa chính, thửa đất ông Nguyễn Văn B khiếu nại và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất công ích, do UBND xã Q (cũ), nay là UBND thị trấn H đăng ký, quản lý.

b) Liên quan đến việc quản lý quỹ đất công ích trên địa bàn thị trấn H: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Q tại Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021, Thông báo số 174/TB-UBND ngày 13/5/2022, Công văn số 925/UBND-KTN ngày 23/02/2023 và chỉ đạo của UBND huyện Q tại Công văn số 243/UBND-KT ngày 03/3/2023, UBND thị trấn H đã kiểm tra, rà soát và có Báo cáo số 62/BC-

UBND ngày 23/3/2023 về kết quả rà soát quản lý quỹ đất công ích (đất 5%) trên địa bàn thị trấn H, theo kết quả rà soát của UBND thị trấn H, tổng diện tích đất công ích sau khi rà soát trên địa bàn thị trấn H hiện nay là 210.222m², nhỏ hơn 5% tổng diện tích 03 loại đất: đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản.

c) Căn cứ pháp lý để không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B: Căn cứ theo Hồ sơ địa chính số 64/CP thì thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m², loại đất bằng trồng cây hằng năm khác ông Nguyễn Văn B khiếu nại và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất công ích do UBND xã Q (cũ), nay là UBND thị trấn H đăng ký, quản lý. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai thì thửa đất ông Nguyễn Văn B đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn B không có cơ sở pháp lý để giải quyết chấp nhận đơn. Do đó, UBND huyện Q ban hành Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 về việc giải quyết, trả lời đơn kiến nghị của công dân đảm bảo quy định của pháp luật, nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B khiếu nại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q và yêu cầu UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho gia đình ông đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích đất 459,1m², loại đất bằng trồng cây hàng năm khác là không có cơ sở pháp lý để xem xét, giải quyết chấp nhận đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên, khẳng định Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B là đảm bảo quy định pháp luật.

Theo Văn bản số 2002/UBND-KT ngày 04/12/2024, UBND huyện Q ***có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông*** Nguyễn Văn B ***như sau:***

- Thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m² (theo hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 64/CP) là thửa đất công ích do UBND thị trấn H quản lý; thửa đất này được kê khai, đăng ký trong Sổ địa chính tại trang số 45, quyển số 14, diện tích 527m², loại đất: đất trồng màu (ĐRM), nay là đất trồng cây hàng năm khác (BHK). Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thửa đất này thuộc trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về xác minh nội dung xác nhận của UBND xã Q (cũ) trong đơn của bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) ngày 26/3/2004: Qua kết quả phiên làm việc ngày 11/4/2023 của Tổ xác minh với ông Đồng Phước T - Nguyên Chủ tịch UBND xã Q và ông Nguyễn Công C1 - Nguyên công chức Địa chính - Xây dựng xã Q về nội dung xác nhận của UBND xã Q đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07 trong đơn của bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) tại thời điểm ngày 26/3/2004.

Qua kết quả làm việc, xác minh với ông Đồng Phước T - Nguyên Chủ tịch UBND xã Q và ông Nguyễn Công C1 - Nguyên cán bộ địa chính xã Q có ý kiến xác nhận phần diện tích thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07 là đất công ích (đất 5%) thuộc quyền quản lý của UBND xã Q (cũ), nay thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn H; do thửa đất đó trước đây không ổn định, thường xuyên bị bồi, lở do lũ lụt, đất xấu không phát huy hiệu quả sản xuất nên UBND xã Q (cũ), hiện nay là UBND thị trấn H không đưa ra đấu thầu, không hợp đồng thuê đất, không quản lý theo quy định về quản lý đất công ích. Về nội dung mà UBND xã Q xác nhận vào đơn của bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) ngày 26/3/2004 là chủ yếu nhằm làm cơ sở ghi nhận công lao cải tạo thửa đất này của gia đình ông B, bà V để làm cơ sở khi triển khai thực hiện dự án Khu Công nghiệp Đ (vào thời điểm năm 2004) thì gia đình ông Nguyễn Văn B sẽ được xem xét hỗ trợ chứ không xác nhận nội dung đó để đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V.

- Đối với việc rà soát và thực hiện theo đúng chỉ đạo tại Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021, Thông báo số 174/TB-UBND ngày 13/5/2022, Công văn số 925/UBND-KTN ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Q và Công văn số 243/UBND-KT ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q, UBND thị trấn H đã tập trung hoàn thành việc rà soát và có Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 23/3/2023 về kết quả rà soát quản lý quỹ đất công ích (đất 5%) trên địa bàn thị trấn H, theo đó: Tổng diện tích đất công ích sau khi rà soát trên địa bàn thị trấn H hiện nay là 210.222m² nhỏ hơn 5% tổng diện tích 03 loại đất: đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản.

Theo Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Q về việc giải quyết một số tồn tại, vướng mắc trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Trường hợp quỹ đất công ích nhỏ hơn 5% thì UBND cấp xã tổ chức quản lý và sử dụng theo đúng quy định. Vì vậy, UBND huyện Q không có cơ sở xem xét giao đất cho ông Nguyễn Văn B sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo quy định được.

Trên cơ sở đó và qua xem xét nội dung Báo cáo số 12/BC-TNMT ngày 17/02/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND huyện Q đã ban

hành Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 về việc trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố H, thị trấn H.

Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023, ông Nguyễn Văn B không thống nhất với nội dung trả lời của UBND huyện Q nên ngày 12/3/2023, ông Nguyễn Văn B đã gửi Đơn khiếu nại việc giải quyết kiến nghị của UBND huyện Q tại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023.

Căn cứ các quy định có liên quan về việc giải quyết khiếu nại, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 44/TB-UBND ngày 21/3/2023 về thụ lý đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B; ban hành Quyết định xác minh nội dung khiếu nại và giao Phòng T1 huyện tham mưu trả lời đơn. Căn cứ Báo cáo số 56/BC-TXM ngày 12/5/2023 của Tổ xác minh về kết quả xác minh giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B và căn cứ kết quả phiên đối thoại giữa Chủ tịch UBND huyện với người khiếu nại - ông Nguyễn Văn B vào ngày 27/4/2023, ngày 15/5/2023, Chủ tịch UBND huyện Q ban hành Quyết định số 589/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B với nội dung cụ thể: Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn B. UBND huyện đã trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn B tại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 là đảm bảo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 25/2/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử;

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V về yêu cầu: Hủy Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B, trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (lần hai).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2025, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 27/9/2024, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn B trong lĩnh vực quản lý đất đai. Quyết định hành chính trên còn trong thời hiệu khởi kiện và có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V nên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về hành vi hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B;

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B (lần hai), thì thấy:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: ngày 31/5/2023, ông Nguyễn Văn B có đơn khiếu nại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q về việc giải quyết, trả lời Đơn kiến nghị của công dân và yêu cầu UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình Ông đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ

số 07, diện tích đất 459,1m², loại đất trồng cây hàng năm khác (theo số liệu đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 06/6/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q có Quyết định số 1152/QĐ-UBND giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thẩm tra, xác minh, tổ chức đối thoại với công dân. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh Q về kết quả đối thoại với người khiếu nại. Ngày 11/8/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1693/QĐ-UBND về về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn B là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

- Về nội dung:

Theo hồ sơ địa chính đối với thửa đất ông B khiếu nại và đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg: Trên địa bàn thị trấn H không có Hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 299/TTg.

Hồ sơ kê khai theo Nghị định 64/CP gồm: Bản đồ, Sổ mục kê đất, Sổ Địa chính được UBND xã Q ký xác nhận ngày 01/8/1997, Sở Địa chính duyệt ngày 22/8/1997 thể hiện:

+ Tại Sổ mục kê đất (trang số 98, quyển số 02), diện tích đất trên thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất màu (ĐM) do UBND xã Q đứng tên chủ sử dụng đất.

+ Tại Sổ Địa chính (trang số 45, quyển số 14), diện tích đất trên thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất trồng màu (ĐRM), tên chủ sử dụng đất: **Đất công ích.**

Năm 2022, ông Nguyễn Văn B lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, Chi nhánh Văn phòng Đ đã tổ chức đo đạc với diện tích 459,1m², loại đất bằng trồng cây hàng năm khác. Ngày 13/12/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 584/TB-ĐKĐĐ về việc lập hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất lần đầu của ông Nguyễn Văn B, theo đó việc lập hồ sơ đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B tại thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 527m², loại đất màu là không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất do thuộc quỹ đất công ích. Ngày 27/12/2022, ông Nguyễn Văn B có đơn kiến nghị gửi UBND huyện Q liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07. Ngày 03/3/2023, UBND

huyện Q có Công văn số 241/UBND-NC về việc giải quyết, trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn B, theo đó xác định thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07 là đất công ích thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn H nên thuộc trường hợp không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Báo cáo số 62/BC-UBND ngày 23/3/2023 của UBND thị trấn H về việc rà soát, quản lý đất công ích (5%) trên địa bàn thị trấn H thì tổng diện tích đất công ích sau khi rà soát là 210.222m^2, nhỏ hơn 5% tổng diện tích 03 loại đất: đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, hiện nay UBND thị trấn H chỉ hợp đồng cho thuê đất công ích đối với loại đất lúa (diện tích khoản 5.000m^2), đối với loại đất bằng trồng cây hàng năm khác UBND thị trấn H chỉ quản lý trên hồ sơ địa chính.

Ngoài ra, theo Biên bản làm việc ngày 11/4/2023 giữa Tổ xác minh giải quyết khiếu nại của UBND huyện Q với ông Đồng Phước T (Nguyên Chủ tịch UBND xã Q) và ông Nguyễn Công C1 (Nguyên Công chức Địa chính – Xây dựng xã Q) là những người xác nhận vào Đơn của bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) vào ngày 26/3/2004 thì do thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07 trước đây không ổn định, thường xuyên bị bồi, lở do lũ lụt, đất xấu không phát huy hiệu quả sản xuất nên UBND xã Q (cũ), hiện nay là UBND thị trấn H không đưa ra đấu thầu, không hợp đồng thuê đất, không quản lý theo quy định về quản lý đất công ích. Đối với nội dung mà UBND xã Q xác nhận vào đơn của bà Nguyễn Thị V (vợ ông Nguyễn Văn B) ngày 26/3/2004 chủ yếu nhằm làm cơ sở ghi nhận công lao cải tạo thửa đất này của gia đình ông B, bà V để làm cơ sở khi triển khai thực hiện dự án Khu Công nghiệp Đ (vào thời điểm năm 2004) thì gia đình ông Nguyễn Văn B sẽ được xem xét hỗ trợ chứ không xác nhận nội dung đó để đề nghị công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa này cho gia đình ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V.

Tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

"Điều 19. Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Tổ chức, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất để quản lý thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai.

2. Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn".

Thửa đất 748, tờ bản đồ số 07 ông Nguyễn Văn B đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quỹ đất công ích do UBND thị trấn H quản lý nên thuộc

trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hội đồng xét xử, xét thấy UBND huyện Q ban hành Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 về việc giải quyết, trả lời đơn kiến nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ 07 không thể xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được là có căn cứ. Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B (lần hai), không chấp nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Văn B khiếu nại Công văn số 241/UBND-NC ngày 03/3/2023 của UBND huyện Q và yêu cầu UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông B đối với thửa đất số 748, tờ bản đồ số 07, diện tích 459,1m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác là đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về yêu cầu hủy Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo của người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật; Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông B.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2025/HC-ST ngày 25/2/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: : áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn B

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVS, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Thái